

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
Môn: Hoá 10

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
1	1203360050	Nguyễn Thị Ngọc Anh	19/09/2005	01DD13C1	7.0	8.0	7.7		5.4		6.3	Đạt
2	1203360052	Trần Công Bách	08/10/2004	01DD13C1	6.0	7.0	6.7		6.0		6.3	Đạt
3	1203360048	Trương Duy Bảo	08/12/2005	01KT13C1	6.5	7.0	6.8		5.4		6.0	Đạt
4	1203360102	Lê Thị Mỹ Chi	24/03/2005	01KT13C1	6.0	7.0	6.7		5.8		6.1	Đạt
5	1203360080	Hoàng Thị Hằng	09/12/2005	01DD13C1	7.0	8.0	7.7		5.2		6.2	Đạt
6	1203360129	Bùi Thị Hạnh	12/08/1992	01DS13C1	7.0	8.0	7.7		5.0		6.1	Đạt
7	1203360139	Võ Nhật Hào	24/04/2005	01DD13C1	6.0	8.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
8	1203360180	Huỳnh Thị Minh Hiếu	06/04/1997	01DS13C1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
9	1203360078	Phạm Hoàng Huy	13/02/2005	01DD13C1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
10	1203360106	Nguyễn Quốc Huy	24/09/2005	01DD13C1	6.0	7.0	6.7		5.4		5.9	Đạt
11	1203360088	Lê Nguyễn Đức Huy	9/4/2005	01DS13C1	6.0	7.0	6.7		5.6		6.0	Đạt
12	1203360121	Nguyễn Thị Thu Liễu	04/10/2005	01DD13C1	7.0	8.0	7.7		6.0		6.7	Đạt
13	1203360161	Phan Tấn Lộc	10/05/2005	01DS13C1	6.0	7.0	6.7		6.0		6.3	Đạt
14	1203360160	Lê Thị Cẩm Ly	19/07/2005	01KT13C1	6.0	7.0	6.7		6.2		6.4	Đạt
15	1203360126	Trần Thị Thanh Mai	28/03/2005	01DD13C1	7.0	8.0	7.7		6.2		6.8	Đạt
16	1203360031	Võ Ngọc Ngà	25/12/2005	01KT13C1	6.0	7.0	6.7		5.4		5.9	Đạt
17	1203360030	Trần Thanh Ngân	16/11/2005	01KT13C1	7.0	7.5	7.3		5.4		6.2	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: Hoá 10

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
18	1203360118	Nguyễn Phạm Hoàng	Ngân	11/05/2005	01KT13C1	7.0	7.0	7.0		6.2		6.5	Đạt
19	1203360144	Trần Kim	Ngân	30/04/2005	01KT13C1	7.0	7.0	7.0		5.8		6.3	Đạt
20	1203360145	Nguyễn Thị Kim	Ngân	03/11/2005	01KT13C1	7.0	7.0	7.0		5.8		6.3	Đạt
21	1203360044	Nguyễn Thanh	Ngân	03/04/2005	01KT13C1	7.0	7.0	7.0		6.6		6.8	Đạt
22	1203360112	Võ Lê Trọng	Nghĩa	26/04/2005	01KT13C1	6.0	6.5	6.3		5.0		5.5	Đạt
23	1203360137	Nguyễn Thị Như	Ngọc	26/08/2005	01KT13C1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
24	1203360097	Nguyễn Thị Yến	Nhi	03/10/2004	01DS13C1	6.0	7.0	6.7		5.0		5.7	Đạt
25	1203360020	Lê Quỳnh	Như	24/12/2005	01DD13C1	7.0	7.0	7.0		7.4		7.2	Đạt
26	1203360033	Nguyễn Thị Thùy	Như	01/09/2005	01DD13C1	6.5	7.0	6.8		5.0		5.7	Đạt
27	1203360081	Trần Thị Kim	Như	12/11/2005	01DD13C1	7.0	7.0	7.0		5.2		5.9	Đạt
28	1203360100	Nguyễn Quỳnh	Như	01/11/2005	01DD13C1	7.0	7.0	7.0		5.4		6.0	Đạt
29	1203360172	Lý Hồng	Nhung	04/01/2005	01DS13C1	7.0	7.0	7.0		7.6		7.4	Đạt
30	1203360176	Nguyễn Kim	Oanh	22/07/2004	01KT13C1	7.0	7.0	7.0		6.8		6.9	Đạt
31	1203360024	Lê Văn	Phú	14/05/2002	01DD13C1	6.0	7.0	6.7		5.6		6.0	Đạt
32	1203360111	Trần Trúc	Phuong	24/12/2005	01DS13C1	7.0	7.0	7.0		5.4		6.0	Đạt
33	1203360138	Nguyễn Dương	Quốc	03/07/2005	01DS13C1	6.0	6.5	6.3		5.8		6.0	Đạt
34	1203360099	Nguyễn Như	Quỳnh	01/11/2005	01DD13C1	6.0	7.0	6.7		5.2		5.8	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
Môn: Hoá 10

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
35	1203360090	Cao Thái Sơn	24/03/2005	01DS13C1	7.0	8.0	7.7		5.4		6.3	Đạt
36	1203360123	Tổng Thị Phương Thảo	01/09/2005	01KT13C1	7.0	8.0	7.7		6.2		6.8	Đạt
37	1203360155	Huỳnh Thị Thu Thảo	15/07/2005	01DS13C1	7.0	8.0	7.7		7.2		7.4	Đạt
38	1203360178	Lê Thanh Thảo	31/10/2003	01DS13C1	7.0	8.0	7.7		6.4		6.9	Đạt
39	1203360046	Trần Thị Kim Thoa	07/07/2005	01KT13C1	6.0	7.0	6.7		4.4		5.3	Đạt
40	1203360152	Đặng Thị Hoài Thương	19/10/2005	01DS13C1	7.0	8.0	7.7		6.6		7.0	Đạt
41	1203360032	Thái Thị Thuỷ Tiên	01/10/2005	01DS13C1	7.0	8.0	7.7		6.6		7.0	Đạt
42	1203360120	Phan Cát Tiên	02/10/2004	01DS13C1	7.0	8.0	7.7		5.6		6.4	Đạt
43	1203360053	Nguyễn Thị Bích Trâm	03/10/2005	01KT13C1	7.0	8.0	7.7		5.6		6.4	Đạt
44	1203360091	Nguyễn Huỳnh Bảo Trân	06/09/2005	01DS13C1	7.0	8.0	7.7		4.0		5.5	Đạt
45	1203360047	Nguyễn Thị Thu Trang	24/10/2005	01DD13C1	7.0	8.0	7.7		5.0		6.1	Đạt
46	1203360067	Nguyễn Văn Tuấn Trường	05/03/2005	01DS13C1	6.0	7.0	6.7		6.2		6.4	Đạt
47	1203360185	Nguyễn Ngọc Như Tuyền	09/12/2005	01KT13C1	7.0	8.0	7.7		5.6		6.4	Đạt
48	1203360184	Trịnh Ngọc Tuyền	06/05/2005	01KT13C1	6.0	8.0	7.3		5.6		6.3	Đạt
49	1203360124	Hồ Thị Tường Vi	09/09/2005	01KT13C1	7.0	7.0	7.0		5.8		6.3	Đạt
50	1203360151	Trần Duy Vũ	18/03/2005	01DD13C1	6.0	7.0	6.7		6.0		6.3	Đạt
51	1203360092	Nguyễn Thị Tường Vy	26/09/2005	01DD13C1	7.0	7.0	7.0		5.0		5.8	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
Môn: Hoá 10

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
52	1203360093	Nguyễn Thị Phương Vy	02/07/2005	01DD13C1	7.0	7.0	7.0		5.4		6.0	Đạt
53	1203360175	Nguyễn Ngọc Như Ý	26/08/2004	01KT13C1	6.0	7.0	6.7		6.2		6.4	Đạt
54	1203360041	Phan Thị Xuân Yền	03/06/2005	01DD13C1	7.0	7.0	7.0		4.0		5.2	Đạt
55	1203360054	Nguyễn Thị Ngọc Yền	19/08/2005	01KT13C1	7.0	8.0	7.7		5.2		6.2	Đạt
56	1203360084	Bùi Thị Kim Yền	25/08/2005	01KT13C1	7.0	8.0	7.7		5.2		6.2	Đạt
57	1203360117	Huỳnh Thị Yền	05/05/2005	01KT13C1	7.0	8.0	7.7		5.6		6.4	Đạt
58	1203360147	Nguyễn Hoàng Yền	19/01/2004	01DD13C1	8.0	8.0	8.0		6.4		7.0	Đạt
59	1203360018	Mai Văn Phúc	1997	01TW13C1	7.0	7.0	7.0		6.8		6.9	Đạt
60	1203360034	Phạm Lê Xuân	1/11/2000	01TW13C1	7.0	7.0	7.0		6.4		6.6	Đạt
61	1203360019	Trần Thị Hải Âu	02/08/1993	01KT13D1	7.0	7.0	7.0		8.0		7.6	Đạt
62	1203360012	Lê Phương Hồng	23/10/2002	01DS13D1	7.0	7.0	7.0		6.8		6.9	Đạt
63	1203360177	Nguyễn Phan Thùy Linh	06/09/2004	01DS13D1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại
64	1203360158	Ngô Thị Ca Pháp	11/11/1989	01DS13D1	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
65	1203360003	Nguyễn Chí Thanh	11/08/1987	01KT13D1	7.0	7.0	7.0		8.0		7.6	Đạt
66	1203360164	Lý Tuấn Tú	19/11/1988	01DS13D1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
67	1203360005	Nguyễn Vũ Phương Uyên	10/04/2002	01DS13D1	7.0	7.0	7.0		6.8		6.9	Đạt
68	1203360066	Nguyễn Huỳnh Yền Vy	04/07/2005	01KT13D1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
Môn: Hoá 10

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
69	1203360166	Đặng Triệu Vy	08/09/2001	01DS13D1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
70	1203360058	Nguyễn Tuấn Anh	12/07/2005	01TM13C1	8.0	8.0	8.0		5.8		6.7	Đạt
71	1203360079	Trần Quốc Bảo	25/03/2005	01TM13C1	5.0	5.0	5.0		6.0		5.6	Đạt
72	1203360049	Đỗ Văn Danh	18/12/2005	01TM13C1	5.0	5.0	5.0		8.2		6.9	Đạt
73	1203360094	Lê Thành Đạt	01/05/2005	01TM13C1	5.0	5.0	5.0		6.8		6.1	Đạt
74	1203360148	Nguyễn Thị Hoa	29/08/2005	01YS13C1	7.0	7.0	7.0		9.8		8.7	Đạt
75	1203360028	Phan Công Hưng	04/05/2005	01TM13C1	6.0	6.0	6.0		2.4		3.8	Thi lại
76	1203360086	Mai Xuân Huy	26/01/2005	01YS13C1	6.0	6.0	6.0		9.6		8.2	Đạt
77	1203360098	Biện Hoàng Huy	16/02/2005	01TM13C1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
78	1203360149	Trần Văn Huy	08/03/2005	01TM13C1	7.0	7.0	7.0		6.6		6.8	Đạt
79	1203360104	Đỗ Nguyễn Thu Khanh	08/09/2005	01YS13C1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
80	1203360128	Nguyễn Hoàng Anh Kiệt	22/10/2005	01TM13C1	5.0	5.0	5.0		7.2		6.3	Đạt
81	1203360062	Nguyễn Hữu Lộc	05/12/2005	01TM13C1	5.0	5.0	5.0		7.4		6.4	Đạt
82	1203360107	Tô Thành Long	09/09/2005	01TM13C1	5.0	5.0	5.0		5.6		5.4	Đạt
83	1203360154	Trương Lý Hoài Nam	22/11/2005	01TM13C1	7.0	7.0	7.0		8.8		8.1	Đạt
84	1203360001	Tăng Phi Nga	24/02/1970	01TW13C1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
85	1203360040	Võ Diệp Thanh Phong	13/06/2005	01YS13C1	6.0	6.0	6.0		6.2		6.1	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
Môn: Hoá 10

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
												TB Môn	KQ1
86	1203360134	Lê Thị Thu	Thảo	05/06/2004	01TW13C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại
87	1203360165	Huỳnh Thanh	Tú	01/11/2003	01YS13C1	7.0	7.0	7.0		6.8		6.9	Đạt
88	1203360130	Châu Trần Anh	Vũ	08/12/2005	01TM13C1	5.0	5.0	5.0		7.4		6.4	Đạt
89	1193360056	Nguyễn Thiên	Phú	17/11/2004	01KT12C1	7.0	7.0	7.0		7.6		7.4	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: Hoá 11

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
1	1203360050	Nguyễn Thị Ngọc Anh	19/09/2005	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
2	1203360052	Trần Công Bách	08/10/2004	01DD13C1	6.0	5.5	5.7		5.0		5.3	Đạt
3	1203360048	Trương Duy Bảo	08/12/2005	01KT13C1	5.0	5.0	5.0		6.0		5.6	Đạt
4	1203360102	Lê Thị Mỹ Chi	24/03/2005	01KT13C1	5.0	5.0	5.0		5.8		5.5	Đạt
5	1203360080	Hoàng Thị Hằng	09/12/2005	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		6.5		5.9	Đạt
6	1203360170	Phạm Thị Thúy Hằng	14/10/2002	01DS13C1	7.0	6.5	6.7		8.8		7.9	Đạt
7	1203360129	Bùi Thị Hạnh	12/08/1992	01DS13C1	5.0	5.0	5.0		6.8		6.1	Đạt
8	1203360139	Võ Nhật Hào	24/04/2005	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
9	1203360180	Huỳnh Thị Minh Hiếu	06/04/1997	01DS13C1	8.0	7.5	7.7		6.8		7.1	Đạt
10	1203360078	Phạm Hoàng Huy	13/02/2005	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
11	1203360106	Nguyễn Quốc Huy	24/09/2005	01DD13C1	6.0	6.0	6.0		7.0		6.6	Đạt
12	1203360088	Lê Nguyễn Đức Huy	9/4/2005	01DS13C1	5.0	5.0	5.0		5.8		5.5	Đạt
13	1203360121	Nguyễn Thị Thu Liễu	04/10/2005	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		6.5		5.9	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: Hoá 11

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
14	1203360161	Phan Tấn	Lộc	10/05/2005	01DS13C1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
15	1203360160	Lê Thị Cẩm	Ly	19/07/2005	01KT13C1	6.0	5.5	5.7		7.5		6.8	Đạt
16	1203360126	Trần Thị Thanh	Mai	28/03/2005	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		5.8		5.5	Đạt
17	1203360031	Võ Ngọc	Ngà	25/12/2005	01KT13C1	5.0	5.0	5.0		6.3		5.8	Đạt
18	1203360030	Trần Thanh	Ngân	16/11/2005	01KT13C1	5.0	5.0	5.0		6.3		5.8	Đạt
19	1203360118	Nguyễn Phạm Hoàng	Ngân	11/05/2005	01KT13C1	5.0	5.0	5.0		6.3		5.8	Đạt
20	1203360144	Trần Kim	Ngân	30/04/2005	01KT13C1	5.0	5.0	5.0		6.3		5.8	Đạt
21	1203360145	Nguyễn Thị Kim	Ngân	03/11/2005	01KT13C1	5.0	5.0	5.0		6.0		5.6	Đạt
22	1203360044	Nguyễn Thanh	Ngân	03/04/2005	01KT13C1	6.0	6.0	6.0		6.5		6.3	Đạt
23	1203360112	Võ Lê Trọng	Nghĩa	26/04/2005	01KT13C1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
24	1203360137	Nguyễn Thị Như	Ngọc	26/08/2005	01KT13C1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
25	1203360097	Nguyễn Thị Yền	Nhi	03/10/2004	01DS13C1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
26	1203360020	Lê Quỳnh	Như	24/12/2005	01DD13C1	7.0	6.5	6.7		5.0		5.7	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: Hoá 11

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
27	1203360033	Nguyễn Thị Thùy	Như	01/09/2005	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		6.0		5.6	Đạt
28	1203360081	Trần Thị Kim	Như	12/11/2005	01DD13C1	6.0	5.5	5.7		5.8		5.7	Đạt
29	1203360100	Nguyễn Quỳnh	Như	01/11/2005	01DD13C1	6.0	6.0	6.0		5.0		5.4	Đạt
30	1203360172	Lý Hồng	Nhung	04/01/2005	01DS13C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại
31	1203360176	Nguyễn Kim	Oanh	22/07/2004	01KT13C1	7.0	7.0	7.0		6.3		6.6	Đạt
32	1203360024	Lê Văn	Phú	14/05/2002	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		5.5		5.3	Đạt
33	1203360111	Trần Trúc	Phương	24/12/2005	01DS13C1	6.0	5.5	5.7		6.8		6.3	Đạt
34	1203360138	Nguyễn Dương	Quốc	03/07/2005	01DS13C1	5.0	5.0	5.0		5.5		5.3	Đạt
35	1203360099	Nguyễn Như	Quỳnh	01/11/2005	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		5.3		5.2	Đạt
36	1203360090	Cao Thái	Sơn	24/03/2005	01DS13C1	6.0	5.5	5.7		6.5		6.2	Đạt
37	1203360123	Tống Thị Phương	Thảo	01/09/2005	01KT13C1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
38	1203360155	Huỳnh Thị Thu	Thảo	15/07/2005	01DS13C1	5.0	5.0	5.0		7.0		6.2	Đạt
39	1203360178	Lê Thanh	Thảo	31/10/2003	01DS13C1	6.0	6.0	6.0		6.0		6.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: Hoá 11

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
40	1203360046	Trần Thị Kim Thoa	07/07/2005	01KT13C1	5.0	5.0	5.0		5.3		5.2	Đạt
41	1203360152	Đặng Thị Hoài Thương	19/10/2005	01DS13C1	5.0	5.0	5.0		6.3		5.8	Đạt
42	1203360032	Thái Thị Thuỷ Tiên	01/10/2005	01DS13C1	7.0	6.5	6.7		6.8		6.7	Đạt
43	1203360120	Phan Cát Tiên	02/10/2004	01DS13C1	5.0	5.0	5.0		5.3		5.2	Đạt
44	1203360053	Nguyễn Thị Bích Trâm	03/10/2005	01KT13C1	5.0	5.0	5.0		5.5		5.3	Đạt
45	1203360091	Nguyễn Huỳnh Bảo Trân	06/09/2005	01DS13C1	5.0	5.0	5.0		5.3		5.2	Đạt
46	1203360047	Nguyễn Thị Thu Trang	24/10/2005	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		6.5		5.9	Đạt
47	1203360067	Nguyễn Văn Tuấn Trường	05/03/2005	01DS13C1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
48	1203360185	Nguyễn Ngọc Như Tuyền	09/12/2005	01KT13C1	5.0	5.5	5.3		5.8		5.6	Đạt
49	1203360184	Trịnh Ngọc Tuyền	06/05/2005	01KT13C1	6.0	6.0	6.0		6.5		6.3	Đạt
50	1203360162	Đặng Thị Thu Uyên	07/06/2003	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		6.8		6.1	Đạt
51	1203360124	Hồ Thị Tường Vi	09/09/2005	01KT13C1	6.0	5.5	5.7		5.0		5.3	Đạt
52	1203360151	Trần Duy Vũ	18/03/2005	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		5.5		5.3	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: Hoá 11

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
53	1203360092	Nguyễn Thị Tường Vy	26/09/2005	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		5.3		5.2	Đạt
54	1203360093	Nguyễn Thị Phương Vy	02/07/2005	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		5.5		5.3	Đạt
55	1203360175	Nguyễn Ngọc Như Ý	26/08/2004	01KT13C1	5.0	5.0	5.0		6.3		5.8	Đạt
56	1203360041	Phan Thị Xuân Yến	03/06/2005	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		6.5		5.9	Đạt
57	1203360054	Nguyễn Thị Ngọc Yến	19/08/2005	01KT13C1	6.0	5.5	5.7		6.5		6.2	Đạt
58	1203360084	Bùi Thị Kim Yến	25/08/2005	01KT13C1	5.0	5.0	5.0		6.0		5.6	Đạt
59	1203360117	Huỳnh Thị Yến	05/05/2005	01KT13C1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
60	1203360147	Nguyễn Hoàng Yến	19/01/2004	01DD13C1	7.0	6.5	6.7		5.8		6.1	Đạt
61	1203360018	Mai Văn Phúc	1997	01TW13C1	8.0	7.5	7.7		8.5		8.2	Đạt
62	1203360034	Phạm Lê Xuân	1/11/2000	01TW13C1	7.0	7.0	7.0		8.0		7.6	Đạt
63	1203360019	Trần Thị Hải Âu	02/08/1993	01KT13D1	7.0	7.0	7.0		8.0		7.6	Đạt
64	1203360012	Lê Phương Hồng	23/10/2002	01DS13D1	7.0	7.0	7.0		6.8		6.9	Đạt
65	1203360177	Nguyễn Phan Thùy Linh	06/09/2004	01DS13D1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: Hoá 11

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
66	1203360158	Ngô Thị Ca	Pháp	11/11/1989	01DS13D1	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
67	1203360003	Nguyễn Chí	Thanh	11/08/1987	01KT13D1	7.0	7.0	7.0		8.0		7.6	Đạt
68	1203360164	Lý Tuấn	Tú	19/11/1988	01DS13D1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
69	1203360005	Nguyễn Vũ Phương	Uyên	10/04/2002	01DS13D1	7.0	7.0	7.0		6.8		6.9	Đạt
70	1203360066	Nguyễn Huỳnh Yến	Vy	04/07/2005	01KT13D1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
71	1203360166	Đặng Triệu	Vy	08/09/2001	01DS13D1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
72	1203360058	Nguyễn Tuấn	Anh	12/07/2005	01TM13C1	7.0	7.0	7.0		5.2		5.9	Đạt
73	1203360079	Trần Quốc	Bảo	25/03/2005	01TM13C1	6.0	6.0	6.0		8.2		7.3	Đạt
74	1203360049	Đỗ Văn	Danh	18/12/2005	01TM13C1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
75	1203360094	Lê Thành	Đạt	01/05/2005	01TM13C1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
76	1203360148	Nguyễn Thị	Hoa	29/08/2005	01YS13C1	7.0	7.0	7.0		7.4		7.2	Đạt
77	1203360028	Phan Công	Hưng	04/05/2005	01TM13C1	8.0	8.0	8.0		3.0		5.0	Đạt
78	1203360086	Mai Xuân	Huy	26/01/2005	01YS13C1	7.0	7.0	7.0		5.8		6.3	Đạt
79	1203360098	Biện Hoàng	Huy	16/02/2005	01TM13C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: Hoá 11

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
80	1203360149	Trần Văn	Huy	08/03/2005	01TM13C1	9.0	9.0	9.0		6.2		7.3	Đạt
81	1203360104	Đỗ Nguyễn Thu	Khanh	08/09/2005	01YS13C1	9.0	9.0	9.0		7.4		8.0	Đạt
82	1203360128	Nguyễn Hoàng Anh	Kiệt	22/10/2005	01TM13C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại
83	1203360062	Nguyễn Hữu	Lộc	05/12/2005	01TM13C1	8.0	8.0	8.0		5.4		6.4	Đạt
84	1203360107	Tô Thành	Long	09/09/2005	01TM13C1	8.0	8.0	8.0		6.2		6.9	Đạt
85	1203360154	Trương Lý Hoài	Nam	22/11/2005	01TM13C1	6.0	6.0	6.0		6.8		6.5	Đạt
86	1203360001	Tăng Phi	Nga	24/02/1970	01TW13C1	9.0	9.0	9.0		8.8		8.9	Đạt
87	1203360040	Võ Diệp Thanh	Phong	13/06/2005	01YS13C1	5.0	5.0	5.0		5.8		5.5	Đạt
88	1203360134	Lê Thị Thu	Thảo	05/06/2004	01TW13C1	8.0	8.0	8.0		7.8		7.9	Đạt
89	1203360165	Huỳnh Thanh	Tú	01/11/2003	01YS13C1	8.0	8.0	8.0		6.6		7.2	Đạt
90	1203360130	Châu Trần Anh	Vũ	08/12/2005	01TM13C1	8.0	8.0	8.0		5.6		6.6	Đạt
91	1193360056	Nguyễn Thiên	Phú	17/11/2004	01KT12C1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: Hoá 12

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
												TB Môn
1	1203360050	Nguyễn Thị Ngọc Anh	19/09/2005	01DD13C1	6.0	6.0	6.0		5.4		5.6	Đạt
2	1203360052	Trần Công Bách	08/10/2004	01DD13C1	5.0	5.5	5.3		6.0		5.7	Đạt
3	1203360048	Trương Duy Bảo	08/12/2005	01KT13C1	5.0	5.0	5.0		4.6		4.8	Thi lại
4	1203360102	Lê Thị Mỹ Chi	24/03/2005	01KT13C1	8.0	7.5	7.7		7.4		7.5	Đạt
5	1203360080	Hoàng Thị Hằng	09/12/2005	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		6.0		5.6	Đạt
6	1203360170	Phạm Thị Thúy Hằng	14/10/2002	01DS13C1	9.0	9.0	9.0		9.2		9.1	Đạt
7	1203360129	Bùi Thị Hạnh	12/08/1992	01DS13C1	6.0	6.0	6.0		6.0		6.0	Đạt
8	1203360139	Võ Nhật Hào	24/04/2005	01DD13C1	6.0	6.0	6.0		6.4		6.2	Đạt
9	1203360180	Huỳnh Thị Minh Hiếu	06/04/1997	01DS13C1	8.0	7.5	7.7		7.0		7.3	Đạt
10	1203360078	Phạm Hoàng Huy	13/02/2005	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		5.8		5.5	Đạt
11	1203360106	Nguyễn Quốc Huy	24/09/2005	01DD13C1	7.0	6.5	6.7		6.4		6.5	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: Hoá 12

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
													TB Môn
12	1203360088	Lê Nguyễn Đức	Huy	04/09/2005	01DS13C1	5.0	5.0	5.0		6.4		5.8	Đạt
13	1203360161	Phan Tấn	Lộc	10/05/2005	01DS13C1	7.0	7.0	7.0		6.4		6.6	Đạt
14	1203360160	Lê Thị Cẩm	Ly	19/07/2005	01KT13C1	7.0	7.0	7.0		8.4		7.8	Đạt
15	1203360126	Trần Thị Thanh	Mai	28/03/2005	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		6.0		5.6	Đạt
16	1203360031	Võ Ngọc	Ngà	25/12/2005	01KT13C1	6.0	5.5	5.7		6.8		6.3	Đạt
17	1203360030	Trần Thanh	Ngân	16/11/2005	01KT13C1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
18	1203360118	Nguyễn Phạm Hoàng	Ngân	11/05/2005	01KT13C1	7.0	7.0	7.0		8.0		7.6	Đạt
19	1203360145	Nguyễn Thị Kim	Ngân	03/11/2005	01KT13C1	6.0	6.0	6.0		6.4		6.2	Đạt
20	1203360044	Nguyễn Thanh	Ngân	03/04/2005	01KT13C1	8.0	7.5	7.7		7.4		7.5	Đạt
21	1203360112	Võ Lê Trọng	Nghĩa	26/04/2005	01KT13C1	7.0	7.0	7.0		5.4		6.0	Đạt
22	1203360137	Nguyễn Thị Như	Ngọc	26/08/2005	01KT13C1	7.0	7.0	7.0		6.4		6.6	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: Hoá 12

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
												TB Môn	KQ1
23	1203360097	Nguyễn Thị Yến	Nhi	03/10/2004	01DS13C1	6.0	6.0	6.0		6.0		6.0	Đạt
24	1203360020	Lê Quỳnh	Như	24/12/2005	01DD13C1	8.0	7.5	7.7		7.0		7.3	Đạt
25	1203360033	Nguyễn Thị Thùy	Như	01/09/2005	01DD13C1	8.0	7.5	7.7		7.0		7.3	Đạt
26	1203360081	Trần Thị Kim	Như	12/11/2005	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
27	1203360100	Nguyễn Quỳnh	Như	01/11/2005	01DD13C1	6.0	6.0	6.0		6.6		6.4	Đạt
28	1203360172	Lý Hồng	Nhung	04/01/2005	01DS13C1	8.0	7.5	7.7		6.6		7.0	Đạt
29	1203360176	Nguyễn Kim	Oanh	22/07/2004	01KT13C1	5.0	5.0	5.0		8.0		6.8	Đạt
30	1203360024	Lê Văn	Phú	14/05/2002	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		7.0		6.2	Đạt
31	1203360111	Trần Trúc	Phương	24/12/2005	01DS13C1	7.0	6.5	6.7		6.8		6.7	Đạt
32	1203360138	Nguyễn Dương	Quốc	03/07/2005	01DS13C1	6.0	6.0	6.0		8.0		7.2	Đạt
33	1203360099	Nguyễn Như	Quỳnh	01/11/2005	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		6.8		6.1	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: Hoá 12

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
												TB Môn
34	1203360090	Cao Thái Sơn	24/03/2005	01DS13C1	5.0	5.0	5.0		6.8		6.1	Đạt
35	1203360123	Tổng Thị Phương Thảo	01/09/2005	01KT13C1	6.0	6.0	6.0		6.6		6.4	Đạt
36	1203360155	Huỳnh Thị Thu Thảo	15/07/2005	01DS13C1	6.0	6.0	6.0		6.0		6.0	Đạt
37	1203360178	Lê Thanh Thảo	31/10/2003	01DS13C1	9.0	8.5	8.7		8.0		8.3	Đạt
38	1203360046	Trần Thị Kim Thoa	07/07/2005	01KT13C1	5.0	5.0	5.0		5.6		5.4	Đạt
39	1203360152	Đặng Thị Hoài Thương	19/10/2005	01DS13C1	6.0	5.5	5.7		7.0		6.5	Đạt
40	1203360032	Thái Thị Thuỷ Tiên	01/10/2005	01DS13C1	8.0	8.0	8.0		6.8		7.3	Đạt
41	1203360120	Phan Cát Tiên	02/10/2004	01DS13C1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
42	1203360053	Nguyễn Thị Bích Trâm	03/10/2005	01KT13C1	6.0	6.0	6.0		7.0		6.6	Đạt
43	1203360091	Nguyễn Huỳnh Bảo Trân	06/09/2005	01DS13C1	5.0	5.0	5.0		6.0		5.6	Đạt
44	1203360047	Nguyễn Thị Thu Trang	24/10/2005	01DD13C1	6.0	5.5	5.7		6.8		6.3	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: Hoá 12

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
													TB Môn
45	1203360067	Nguyễn Văn Tuấn	Trường	05/03/2005	01DS13C1	5.0	5.0	5.0		4.6		4.8	Thi lại
46	1203360185	Nguyễn Ngọc Như	Tuyển	09/12/2005	01KT13C1	7.0	6.5	6.7		7.2		7.0	Đạt
47	1203360184	Trịnh Ngọc	Tuyển	06/05/2005	01KT13C1	9.0	8.5	8.7		6.8		7.5	Đạt
48	1203360162	Đặng Thị Thu	Uyên	07/06/2003	01DD13C1	6.0	5.5	5.7		5.8		5.7	Đạt
49	1203360124	Hồ Thị Tường	Vi	09/09/2005	01KT13C1	8.0	7.5	7.7		8.4		8.1	Đạt
50	1203360151	Trần Duy	Vũ	18/03/2005	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		7.2		6.3	Đạt
51	1203360092	Nguyễn Thị Tường	Vy	26/09/2005	01DD13C1	6.0	5.5	5.7		6.0		5.9	Đạt
52	1203360093	Nguyễn Thị Phương	Vy	02/07/2005	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		5.8		5.5	Đạt
53	1203360175	Nguyễn Ngọc Như	Ý	26/08/2004	01KT13C1	5.0	5.0	5.0		7.2		6.3	Đạt
54	1203360041	Phan Thị Xuân	Yến	03/06/2005	01DD13C1	6.0	6.0	6.0		6.8		6.5	Đạt
55	1203360054	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	19/08/2005	01KT13C1	6.0	6.0	6.0		5.2		5.5	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: Hoá 12

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
													TB Môn
56	1203360084	Bùi Thị Kim	Yến	25/08/2005	01KT13C1	5.0	5.0	5.0		6.0		5.6	Đạt
57	1203360117	Huỳnh Thị	Yến	05/05/2005	01KT13C1	5.0	5.0	5.0		5.8		5.5	Đạt
58	1203360147	Nguyễn Hoàng	Yến	19/01/2004	01DD13C1	6.0	5.5	5.7		8.0		7.1	Đạt
59	1203360018	Mai Văn	Phục	1997	01TW13C1	9.0	9.0	9.0		8.4		8.6	Đạt
60	1203360034	Phạm Lê	Xuân	1/11/2000	01TW13C1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
61	1203360019	Trần Thị Hải	Âu	02/08/1993	01KT13D1	8.0	8.0	8.0		7.6		7.8	Đạt
62	1203360012	Lê Phương	Hồng	23/10/2002	01DS13D1	6.0	6.0	6.0		5.6		5.8	Đạt
63	1203360188	Lê Hữu	Lộc	13/04/2004	01KT13D1	6.0	6.0	6.0		7.2		6.7	Đạt
64	1203360181	Huỳnh Thị Khánh	Nhung	16/08/1992	01YS13D1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại
65	1203360158	Ngô Thị Ca	Pháp	11/11/1989	01DS13D1	9.0	9.0	9.0		8.2		8.5	Đạt
66	1203360003	Nguyễn Chí	Thanh	11/08/1987	01KT13D1	8.0	8.0	8.0		7.6		7.8	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: Hoá 12

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn KQ1	
67	1203360005	Nguyễn Vũ Phương Uyên	10/04/2002	01DS13D1	6.0	6.0	6.0		5.2		5.5	Đạt
68	1203360066	Nguyễn Huỳnh Yến Vy	04/07/2005	01KT13D1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
69	1203360166	Đặng Triệu Vy	08/09/2001	01DS13D1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
70	1203360058	Nguyễn Tuấn Anh	12/07/2005	01TM13C1	8.0	8.0	8.0		7.8		7.9	Đạt
71	1203360079	Trần Quốc Bảo	25/03/2005	01TM13C1	9.0	9.0	9.0		7.6		8.2	Đạt
72	1203360049	Đỗ Văn Danh	18/12/2005	01TM13C1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
73	1203360094	Lê Thành Đạt	01/05/2005	01TM13C1	9.0	9.0	9.0		6.0		7.2	Đạt
74	1203360148	Nguyễn Thị Hoa	29/08/2005	01YS13C1	10.0	10.0	10.0		7.2		8.3	Đạt
75	1203360028	Phan Công Hưng	04/05/2005	01TM13C1	9.0	9.0	9.0		7.0		7.8	Đạt
76	1203360086	Mai Xuân Huy	26/01/2005	01YS13C1	10.0	10.0	10.0		6.4		7.8	Đạt
77	1203360098	Biện Hoàng Huy	16/02/2005	01TM13C1	10.0	10.0	10.0		4.4		6.6	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: Hoá 12

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
													TB Môn
78	1203360149	Trần Văn	Huy	08/03/2005	01TM13C1	8.0	8.0	8.0		6.8		7.3	Đạt
79	1203360104	Đỗ Nguyễn Thu	Khanh	08/09/2005	01YS13C1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
80	1203360128	Nguyễn Hoàng Anh Kiệt		22/10/2005	01TM13C1	9.0	9.0	9.0		6.4		7.4	Đạt
81	1203360062	Nguyễn Hữu	Lộc	05/12/2005	01TM13C1	9.0	9.0	9.0		7.2		7.9	Đạt
82	1203360107	Tô Thành	Long	09/09/2005	01TM13C1	9.0	9.0	9.0		6.4		7.4	Đạt
83	1203360154	Trương Lý Hoài	Nam	22/11/2005	01TM13C1	10.0	10.0	10.0		7.0		8.2	Đạt
84	1203360001	Tăng Phi	Nga	24/02/1970	01TW13C1	8.0	8.0	8.0		7.4		7.6	Đạt
85	1203360040	Võ Diệp Thanh	Phong	13/06/2005	01YS13C1	5.0	5.0	5.0		6.2		5.7	Đạt
86	1203360134	Lê Thị Thu	Thảo	05/06/2004	01TW13C1	10.0	10.0	10.0		7.2		8.3	Đạt
87	1203360165	Huỳnh Thanh	Tú	01/11/2003	01YS13C1	8.0	8.0	8.0		7.4		7.6	Đạt
88	1203360130	Châu Trần Anh	Vũ	08/12/2005	01TM13C1	10.0	10.0	10.0		5.8		7.5	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: Hoá 12

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
89	1193360056	Nguyễn Thiên	Phú	17/11/2004	01KT12C1	5.0	5.0	5.0		7.2		6.3	Đạt
90	2203360045	Vũ Minh	Tự	05/09/2000	02DS13D1	9.0	9.0	9.0		7.2		7.9	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: TOÁN 10

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
													TB Môn
1	1203360019	Trần Thị Hải	Âu	02/08/1993	01KT13D1	7.0	7.0	7.0		9.8		8.7	Đạt
2	1203360177	Nguyễn Phan Thùy	Linh	06/09/2004	01DS13D1	9.0	9.0	9.0		9.5		9.3	Đạt
3	1203360181	Huỳnh Thị Khánh	Nhung	16/08/1992	01YS13D1	9.0	9.0	9.0		9.8		9.5	Đạt
4	1203360158	Ngô Thị Ca	Pháp	11/11/1989	01DS13D1	10.0	10.0	10.0		9.8		9.9	Đạt
5	1203360034	Phạm Lê	Xuân	11/01/2000	01TW13C1	9.0	9.0	9.0		9.3		9.2	Đạt
6	1203360018	Mai Văn	Phục	1997	01TW13C1	7.0	7.0	7.0		8.5		7.9	Đạt
7	1203360050	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	19/09/2005	01DD13C1	6.0	6.0	6.0		6.8		6.5	Đạt
8	1203360058	Nguyễn Tuấn	Anh	12/07/2005	01TM13C1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
9	1203360052	Trần Công	Bách	08/10/2004	01DD13C1	6.0	6.0	6.0		6.0		6.0	Đạt
10	1203360079	Trần Quốc	Bảo	25/03/2005	01TM13C1	4.0	4.0	4.0		3.0		3.4	Thi lại
11	1203360049	Đỗ Văn	Danh	18/12/2005	01TM13C1	5.0	5.0	5.0		6.0		5.6	Đạt
12	1203360094	Lê Thành	Đạt	01/05/2005	01TM13C1	6.0	6.0	6.0		8.0		7.2	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: TOÁN 10

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
13	1203360080	Hoàng Thị Hằng	09/12/2005	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		8.5		7.1	Đạt
14	1203360139	Võ Nhật Hào	24/04/2005	01DD13C1	8.0	8.0	8.0		9.3		8.8	Đạt
15	1203360148	Nguyễn Thị Hoa	29/08/2005	01YS13C1	7.0	7.0	7.0		10.0		8.8	Đạt
16	1203360028	Phan Công Hưng	04/05/2005	01TM13C1	5.0	5.0	5.0		6.3		5.8	Đạt
17	1203360078	Phạm Hoàng Huy	13/02/2005	01DD13C1	7.0	7.0	7.0		5.8		6.3	Đạt
18	1203360086	Mai Xuân Huy	26/01/2005	01YS13C1	7.0	7.0	7.0		9.8		8.7	Đạt
19	1203360098	Biện Hoàng Huy	16/02/2005	01TM13C1	7.0	7.0	7.0		9.0		8.2	Đạt
20	1203360106	Nguyễn Quốc Huy	24/09/2005	01DD13C1	7.0	7.0	7.0		6.8		6.9	Đạt
21	1203360149	Trần Văn Huy	08/03/2005	01TM13C1	5.0	5.0	5.0		6.0		5.6	Đạt
22	1203360104	Đỗ Nguyễn Thu Khanh	08/09/2005	01YS13C1	10.0	10.0	10.0		9.5		9.7	Đạt
23	1203360128	Nguyễn Hoàng Anh Kiệt	22/10/2005	01TM13C1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
24	1203360062	Nguyễn Hữu Lộc	05/12/2005	01TM13C1	6.0	6.0	7.0		5.5		6.1	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: TOÁN 10

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
													TB Môn
25	1203360107	Tô Thành	Long	09/09/2005	01TM13C1	6.0	6.0	6.0		5.5		5.7	Đạt
26	1203360154	Trương Lý Hoài	Nam	22/11/2005	01TM13C1	7.0	7.0	7.0		8.0		7.6	Đạt
27	1203360001	Tăng Phi	Nga	24/02/1970	01TW13C1	6.0	6.0	6.0		5.5		5.7	Đạt
28	1203360020	Lê Quỳnhh	Nhur	24/12/2005	01DD13C1	7.0	7.0	7.0		9.5		8.5	Đạt
29	1203360081	Trần Thị Kim	Nhur	12/11/2005	01DD13C1	6.0	6.0	6.0		9.5		8.1	Đạt
30	1203360100	Nguyễn Quỳnhh	Nhur	01/11/2005	01DD13C1	6.0	6.0	6.0		7.5		6.9	Đạt
31	1203360040	Võ Diệp Thanh	Phong	13/06/2005	01YS13C1	4.0	4.0	4.0		2.0		2.8	Thi lại
32	1203360099	Nguyễn Như	Quỳnhh	01/11/2005	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		9.5		7.7	Đạt
33	1203360023	Phan Thanh	Thảo	10/10/2005	01YS13C1	4.0	4.0	4.0				1.6	Thi lại
34	1203360134	Lê Thị Thu	Thảo	05/06/2004	01TW13C1	7.0	7.0	7.0		9.3		8.4	Đạt
35	1203360047	Nguyễn Thị Thu	Trang	24/10/2005	01DD13C1	6.0	6.0	6.0		9.3		8.0	Đạt
36	1203360165	Huỳnh Thanh	Tú	01/11/2003	01YS13C1	7.0	7.0	7.0		5.3		6.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: TOÁN 10

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
37	1203360130	Châu Trần Anh Vũ	08/12/2005	01TM13C1	5.0	5.0	5.0		9.0		7.4	Đạt
38	1203360151	Trần Duy Vũ	18/03/2005	01DD13C1	6.0	6.0	6.0		9.8		8.3	Đạt
39	1203360092	Nguyễn Thị Tường Vy	26/09/2005	01DD13C1	7.0	7.0	7.0		10.0		8.8	Đạt
40	1203360093	Nguyễn Thị Phương Vy	02/07/2005	01DD13C1	6.0	6.0	6.0		9.5		8.1	Đạt
41	1203360041	Phan Thị Xuân Yến	03/06/2005	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		10.0		8.0	Đạt
42	1203360147	Nguyễn Hoàng Yến	19/01/2004	01DD13C1	8.0	8.0	8.0		9.8		9.1	Đạt
43	2203360214	Ngô Quang Huy	10/04/2005	02TW13C1	3.0	3.0	3.0	TBKT			1.2	Học lại
44	1203360048	Trương Duy Bảo	08/12/2005	01KT13C1	10	10	10.0		7.5		8.5	Đạt
45	1203360102	Lê Thị Mỹ Chi	24/03/2005	01KT13C1	8.5	8.5	8.5		8.0		8.2	Đạt
46	1203360170	Phạm Thị Thúy Hằng	14/10/2002	01DS13C1	10	10	10.0		9.0		9.4	Đạt
47	1203360088	Lê Nguyễn Đức Huy	04/09/2005	01DS13C1	7.5	7.5	7.5		9.0		8.4	Đạt
48	1203360161	Phan Tấn Lộc	10/05/2005	01DS13C1	8.0	8.0	8.0		5.5		6.5	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: TOÁN 10

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
												TB Môn
49	1203360160	Lê Thị Cẩm Ly	19/07/2005	01KT13C1	8.5	8.5	8.5		6.5		7.3	Đạt
50	1203360031	Võ Ngọc Ngà	25/12/2005	01KT13C1	7.0	7.0	7.0		8.5		7.9	Đạt
51	1203360118	Nguyễn Phạm Hoàng Ngân	11/05/2005	01KT13C1	10.0	10.0	10.0		7.0		8.2	Đạt
52	1203360112	Võ Lê Trọng Nghĩa	26/04/2005	01KT13C1	6.0	6.0	6.0		8.5		7.5	Đạt
53	1203360137	Nguyễn Thị Như Ngọc	26/08/2005	01KT13C1	9.0	9.0	9.0		7.3		8.0	Đạt
54	1203360097	Nguyễn Thị Yến Nhi	03/10/2004	01DS13C1	10.0	10.0	10.0				4.0	Thi lại
55	1203360111	Trần Trúc Phương	24/12/2005	01DS13C1	8.0	8.0	8.0		6.8		7.3	Đạt
56	1203360138	Nguyễn Dương Quốc	03/07/2005	01DS13C1	5.5	5.5	5.5		9.3		7.8	Đạt
57	1203360178	Lê Thanh Thảo	31/10/2003	01DS13C1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
58	1203360046	Trần Thị Kim Thoa	07/07/2005	01KT13C1	3.5	3.5	3.5				1.4	Thi lại
59	1203360152	Đặng Thị Hoài Thương	19/10/2005	01DS13C1	6.5	6.5	6.5		7.3		7.0	Đạt
60	1203360120	Phan Cát Tiên	02/10/2004	01DS13C1	7.0	7.0	7.0		4.5		5.5	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: TOÁN 10

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
													TB Môn
61	1203360053	Nguyễn Thị Bích	Trâm	03/10/2005	01KT13C1	8.5	8.5	8.5				3.4	Thi lại
62	1203360067	Nguyễn Văn Tuấn	Trường	05/03/2005	01DS13C1	7.0	7.0	7.0		8.3		7.8	Đạt
63	1203360185	Nguyễn Ngọc Như	Tuyến	09/12/2005	01KT13C1	10.0	10.0	10.0		8.3		9.0	Đạt
64	1203360124	Hồ Thị Tường	Vi	09/09/2005	01KT13C1	7.0	7.0	7.0		7.8		7.5	Đạt
65	1203360175	Nguyễn Ngọc Như	Ý	26/08/2004	01KT13C1	7.0	7.0	7.0		6.5		6.7	Đạt
66	1203360054	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	19/08/2005	01KT13C1	9.0	9.0	9.0		7.3		8.0	Đạt
67	1203360117	Huỳnh Thị	Yến	05/05/2005	01KT13C1	5.5	5.5	5.5		5.8		5.7	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
Môn: TOÁN 11

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
1	1203360158	Ngô Thị Ca	Pháp	11/11/1989	01DS13D1	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
2	1203360050	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	19/09/2005	01DD13C1	6.0	6.0	6.0		5.3		5.6	Đạt
3	1203360058	Nguyễn Tuấn	Anh	12/07/2005	01TM13C1	7.5	7.5	7.5		7.3		7.4	Đạt
4	1203360052	Trần Công	Bách	08/10/2004	01DD13C1	7.5	7.5	7.5		6.0		6.6	Đạt
5	1203360048	Trương Duy	Bảo	08/12/2005	01KT13C1	5.5	5.5	5.5		9.0		7.6	Đạt
6	1203360079	Trần Quốc	Bảo	25/03/2005	01TM13C1	4.0	4.0	4.0		8.3		6.6	Đạt
7	1203360102	Lê Thị Mỹ	Chi	24/03/2005	01KT13C1	7.5	7.5	7.5		9.3		8.6	Đạt
8	1203360094	Lê Thành	Đạt	01/05/2005	01TM13C1	5.5	5.5	5.5		6.3		6.0	Đạt
9	1203360080	Hoàng Thị	Hằng	09/12/2005	01DD13C1	5.5	5.5	5.5		9.0		7.6	Đạt
10	1203360170	Phạm Thị Thúy	Hằng	10/14/2002	01DS13C1	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
11	1203360139	Võ Nhật	Hào	24/04/2005	01DD13C1	10.0	10.0	10.0		9.3		9.6	Đạt
12	1203360148	Nguyễn Thị	Hoa	29/08/2005	01YS13C1	7.0	7.0	7.0		8.8		8.1	Đạt
13	1203360028	Phan Công	Hưng	04/05/2005	01TM13C1	4.0	4.0	4.0		7.3		6.0	Đạt
14	1203360078	Phạm Hoàng	Huy	13/02/2005	01DD13C1	7.0	7.0	7.0		8.3		7.8	Đạt
15	1203360086	Mai Xuân	Huy	26/01/2005	01YS13C1	6.0	6.0	6.0		8.8		7.7	Đạt
16	1203360088	Lê Nguyễn Đức	Huy	04/09/2005	01DS13C1	7.5	7.5	7.5		9.5		8.7	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: TOÁN 11

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
17	1203360098	Biện Hoàng Huy	16/02/2005	01TM13C1	5.0	5.0	5.0		10.0		8.0	Đạt
18	1203360106	Nguyễn Quốc Huy	24/09/2005	01DD13C1	5.5	5.5	5.5		9.3		7.8	Đạt
19	1203360149	Trần Văn Huy	08/03/2005	01TM13C1	7.0	7.0	7.0		6.5		6.7	Đạt
20	1203360104	Đỗ Nguyễn Thu Khanh	08/09/2005	01YS13C1	10.0	10.0	10.0		9.3		9.6	Đạt
21	1203360128	Nguyễn Hoàng Anh Kiệt	22/10/2005	01TM13C1	7.5	7.5	7.5		8.3		8.0	Đạt
22	1203360062	Nguyễn Hữu Lộc	05/12/2005	01TM13C1	6.0	6.0	6.0		5.0		5.4	Đạt
23	1203360161	Phan Tấn Lộc	10/05/2005	01DS13C1	9.0	9.0	9.0		9.5		9.3	Đạt
24	1203360107	Tô Thành Long	09/09/2005	01TM13C1	4.0	4.0	4.0		4.3		4.2	Thi lại
25	1203360160	Lê Thị Cẩm Ly	19/07/2005	01KT13C1	5.0	5.0	5.0		7.5		6.5	Đạt
26	1203360154	Trương Lý Hoài Nam	22/11/2005	01TM13C1	7.0	7.0	7.0		9.0		8.2	Đạt
27	1203360001	Tăng Phi Nga	24/02/1970	01TW13C1	6.0	6.0	6.0		6.5		6.3	Đạt
28	1203360031	Võ Ngọc Ngà	25/12/2005	01KT13C1	8.0	8.0	8.0		8.8		8.5	Đạt
29	1203360118	Nguyễn Phạm Hoàng Ngân	11/05/2005	01KT13C1	7.0	7.0	7.0		9.0		8.2	Đạt
30	1203360112	Võ Lê Trọng Nghĩa	26/04/2005	01KT13C1	4.0	4.0	4.0		9.0		7.0	Đạt
31	1203360137	Nguyễn Thị Như Ngọc	26/08/2005	01KT13C1	6.0	6.0	6.0		9.3		8.0	Đạt
32	1203360020	Lê Quỳnh Như	24/12/2005	01DD13C1	9.5	9.5	9.5		9.5		9.5	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: TOÁN 11

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
33	1203360033	Nguyễn Thị Thùy	Như	01/09/2005	01DD13C1	4.0	4.0	4.0		5.3		4.8	Thi lại
34	1203360100	Nguyễn Quỳnh	Như	01/11/2005	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		6.5		5.9	Đạt
35	1203360176	Nguyễn Kim	Oanh	22/07/2004	01KT13C1	6.5	6.5	6.5		6.8		6.7	Đạt
36	1203360040	Võ Diệp Thanh	Phong	13/06/2005	01YS13C1	5.0	5.0	5.0		5.3		5.2	Đạt
37	1203360018	Mai Văn	Phục	1997	01TW13C1	9.0	9.0	9.0		9.3		9.2	Đạt
38	1203360111	Trần Trúc	Phương	24/12/2005	01DS13C1	6.5	6.5	6.5				2.6	Thi lại
39	1203360138	Nguyễn Dương	Quốc	03/07/2005	01DS13C1	9.5	9.5	9.5		7.5		8.3	Đạt
40	1203360099	Nguyễn Như	Quỳnh	01/11/2005	01DD13C1	5.0	5.0	5.0		6.3		5.8	Đạt
41	1203360134	Lê Thị Thu	Thảo	05/06/2004	01TW13C1	7.0	7.0	7.0		8.8		8.1	Đạt
42	1203360178	Lê Thanh	Thảo	31/10/2003	01DS13C1	7.0	7.0	7.0		8.5		7.9	Đạt
43	1203360046	Trần Thị Kim	Thoa	07/07/2005	01KT13C1	5.0	5.0	5.0		5.8		5.5	Đạt
44	1203360152	Đặng Thị Hoài	Thương	19/10/2005	01DS13C1	7.0	7.0	7.0		8.5		7.9	Đạt
45	1203360120	Phan Cát	Tiên	02/10/2004	01DS13C1	4.5	4.5	4.5		7.3		6.2	Đạt
46	1203360053	Nguyễn Thị Bích	Trâm	03/10/2005	01KT13C1	8.0	8.0	8.0		7.5		7.7	Đạt
47	1203360091	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trân	06/09/2005	01DS13C1	6.0	6.0	6.0		5.5		5.7	Đạt
48	1203360047	Nguyễn Thị Thu	Trang	24/10/2005	01DD13C1	5.5	5.5	5.5		5.0		5.2	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
Môn: TOÁN 11

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
49	1203360067	Nguyễn Văn Tuấn	Trường	05/03/2005	01DS13C1	7.0	7.0	7.0			2.8	Thi lại
50	1203360165	Huỳnh Thanh	Tú	01/11/2003	01YS13C1	6.0	6.0	6.0		8.0	7.2	Đạt
51	1203360185	Nguyễn Ngọc Như	Tuyến	09/12/2005	01KT13C1	8.5	8.5	8.5		9.8	9.3	Đạt
52	1203360124	Hồ Thị Tường	Vi	09/09/2005	01KT13C1	9.0	9.0	9.0		8.8	8.9	Đạt
53	1203360130	Châu Trần Anh	Vũ	08/12/2005	01TM13C1	7.0	7.0	7.0		8.5	7.9	Đạt
54	1203360151	Trần Duy	Vũ	18/03/2005	01DD13C1	7.0	7.0	7.0		8.0	7.6	Đạt
55	1203360092	Nguyễn Thị Tường	Vy	26/09/2005	01DD13C1	6.0	6.0	6.0		5.5	5.7	Đạt
56	1203360093	Nguyễn Thị Phương	Vy	02/07/2005	01DD13C1	6.0	6.0	6.0		7.3	6.8	Đạt
57	1203360034	Phạm Lê	Xuân	11/01/2000	01TW13C1	10.0	10.0	10.0		8.5	9.1	Đạt
58	1203360175	Nguyễn Ngọc Như	Ý	26/08/2004	01KT13C1	7.0	7.0	7.0		7.8	7.5	Đạt
59	1203360041	Phan Thị Xuân	Yến	03/06/2005	01DD13C1	6.5	6.5	6.5		7.8	7.3	Đạt
60	1203360054	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	19/08/2005	01KT13C1	7.0	7.0	7.0		9.0	8.2	Đạt
61	1203360117	Huỳnh Thị	Yến	05/05/2005	01KT13C1	4.5	4.5	4.5		6.0	5.4	Đạt
62	1203360147	Nguyễn Hoàng	Yến	19/01/2004	01DD13C1	7.0	7.0	7.0		9.8	8.7	Đạt